

Số: 05/2025/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 04 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức không tái cử; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 26**

(Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuổi nghỉ hưu;

Căn cứ Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết ban hành quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức không tái cử; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ công tác để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số

39/BC-BPC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức không tái cử; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Bãi bỏ khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 7 Quy định kèm theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ công tác theo nguyện vọng để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2022 - 2025.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XVI, Kỳ họp thứ 26 (Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh) thông qua ngày 04 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực từ ngày thông qua và thực hiện đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban TT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Tổ chức chính trị - xã hội;
- Đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện;
- TT: HĐND, UBND cấp huyện;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Báo, Đài PTTH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CVPC.

CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức không tái cử;
hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi để thực hiện
sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Kèm theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND
ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức không tái cử; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự trên địa bàn tỉnh Lào Cai tại các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức không tái cử nghỉ hưu trước tuổi

1. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng (sau đây viết tắt là Nghị định số 177/2024/NĐ-CP) diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh cán bộ Ban Thường vụ ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy quyết định không tái cử gồm:

a) Cán bộ, công chức không đủ tuổi tái cử nghỉ hưu trước tuổi;

b) Cán bộ, công chức đủ tuổi tái cử, còn thời gian công tác tính từ ngày bắt đầu tổ chức đại hội hoặc bầu cử từ 30 tháng đến 60 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu, tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp, bố trí nhân sự.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP;

b) Có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Chính phủ, đồng thời được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ một lần cho thời gian nghỉ sớm: Số tiền hỗ trợ một lần cho thời gian nghỉ sớm = (số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định) x (tiền lương tháng hiện hưởng).

b) Hỗ trợ bù phần chênh lệch lương hưu cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi không tham gia đóng bảo hiểm xã hội đối với trường hợp chưa đủ số năm đóng bảo hiểm xã hội để hưởng tỷ lệ lương hưu ở mức tối đa.

Số tiền hỗ trợ = (Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính hưởng lương hưu trước khi nghỉ) x (tỷ lệ % lương hưu hỗ trợ) x 12 tháng x 30 năm;

Trong đó, tỷ lệ % lương hưu hỗ trợ = (Tỷ lệ % lương hưu nếu tiếp tục công tác đóng bảo hiểm xã hội tính đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định) - (tỷ lệ % lương hưu tính đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi).

Điều 3. Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức không đủ tuổi tái cử nhưng không thuộc đối tượng áp dụng theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP

1. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức công tác trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện không đủ tuổi tái cử đã có thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc chưa có thông báo, quyết định nghỉ hưu nhưng thời gian công tác còn từ đủ 06 tháng trở xuống tính từ ngày tổ chức đại hội các cấp đến ngày nghỉ hưu theo quy định, tự nguyện nghỉ hưu ngay để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp, bố trí nhân sự.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Giám định sức khỏe đủ điều kiện nghỉ hưu ngay theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;

b) Có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi do bị suy giảm khả năng lao động và được cấp có thẩm quyền đồng ý;

c) Thời điểm nghỉ hưu trước ngày khai mạc đại hội hoặc trước ngày bầu cử cùng cấp tối thiểu 03 tháng.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các chính sách, chế độ nghỉ hưu theo quy định của Chính phủ, đồng thời được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ một lần cho thời gian nghỉ sớm: Số tiền hỗ trợ một lần cho thời gian nghỉ sớm = (số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định) x (tiền lương tháng hiện hưởng).

b) Hỗ trợ phần chênh lệch lương hưu bị trừ tỷ lệ % do việc nghỉ hưu trước tuổi như sau:

Số tiền hỗ trợ = Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội) x (tỷ lệ % lương hưu bị trừ) x 12 tháng x 30 năm.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức là lãnh đạo quản lý nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP

1. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương trở lên công tác trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Thuộc đối tượng nghỉ hưu trước tuổi hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (sau đây viết tắt là Nghị định số 178/2024/NĐ-CP);

b) Có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý;

c) Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi không quá 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền.

3. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Chính phủ, đồng thời được hỗ trợ bù phần chênh lệch lương hưu cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi không tham gia đóng bảo hiểm xã hội đối với trường hợp chưa đủ số năm đóng Bảo hiểm xã hội để hưởng tỷ lệ lương hưu ở mức tối đa.

Số tiền hỗ trợ = (Mức bình quân tiền lương tháng đóng Bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính hưởng lương hưu trước khi nghỉ) x (tỷ lệ % lương hưu hỗ trợ) x 12 tháng x 30 năm;

Trong đó, tỷ lệ % lương hưu hỗ trợ = (Tỷ lệ % lương hưu nếu tiếp tục công tác đóng BHXH tính đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định) - (tỷ lệ % lương hưu tính đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi).

Mức hỗ trợ tối đa không quá 250 triệu đồng/người.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý không thuộc đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Chính phủ nhưng tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi

1. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức giữ các chức danh lãnh đạo diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh cán bộ Ban Thường vụ ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy quyết định, tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp, bố trí nhân sự.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các chính sách, chế độ nghỉ hưu theo quy định của Chính phủ, đồng thời được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Còn thời gian công tác từ 60 tháng trở xuống thì đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định;

b) Có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi và được cấp có thẩm quyền đồng ý;

c) Không thuộc đối tượng hưởng chính sách tinh giản biên chế hoặc chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử hoặc chế độ, chính sách để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo quy định của Chính phủ;

d) Giám định sức khỏe đủ điều kiện nghỉ hưu ngay theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

3. Chính sách hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này còn thời gian công tác từ 24 tháng đến 60 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu

a) Hỗ trợ một lần cho thời gian nghỉ sớm:

Số tiền hỗ trợ một lần cho thời gian nghỉ sớm = (số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu theo quy định) x (tiền lương tháng hiện hưởng).

b) Hỗ trợ theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và số năm nghỉ sớm như sau:

Hỗ trợ 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định.

Hỗ trợ 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được hỗ trợ 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

c) Hỗ trợ phần chênh lệch lương hưu bị trừ tỷ lệ % do việc nghỉ hưu trước tuổi như sau:

Số tiền hỗ trợ = (Mức bình quân tiền lương tháng đóng Bảo hiểm xã hội) x (tỷ lệ % lương hưu bị trừ) x 12 tháng x 30 năm.

4. Đối với đối tượng tại khoản 1 Điều này còn thời gian công tác dưới 24 tháng đến tuổi nghỉ hưu được hỗ trợ theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều này.

Điều 6. Cách xác định tiền lương và thời gian tính hỗ trợ

1. Mức bình quân tiền lương tháng đóng Bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính hưởng lương hưu trước khi nghỉ (M_{bqt})

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ trước ngày 01/01/1995:

$$M_{bqt} = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH của 5 năm cuối (60 tháng) trước khi nghỉ việc}}{60 \text{ tháng}}$$

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng từ ngày 01/01/1995 đến ngày 31/12/2000:

$$M_{bqtl} = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH của 6 năm cuối (72 tháng) trước khi nghỉ việc}}{72 \text{ tháng}}$$

c) Đối với cán bộ, công chức, viên chức bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng từ ngày 01/01/2001 đến ngày 31/12/2006:

$$M_{bqtl} = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH của 8 năm cuối (96 tháng) trước khi nghỉ việc}}{96 \text{ tháng}}$$

d) Đối với cán bộ, công chức, viên chức bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2015:

$$M_{bqtl} = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH của 10 năm cuối (120 tháng) trước khi nghỉ việc}}{120 \text{ tháng}}$$

đ) Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này là tiền lương theo ngạch, bậc và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có). Tiền lương này được tính theo mức lương cơ sở tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi.

2. Tiền lương tháng hiện hưởng để tính chế độ là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ hưu trước tuổi, bao gồm: Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh và các khoản phụ cấp lương (gồm: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp công vụ).

3. Thời gian công tác theo số năm đóng bảo hiểm xã hội là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ. Trường hợp tổng thời gian để tính hưởng hỗ trợ có tháng lẻ thì được làm tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng được tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính tròn là 01 năm. Trường hợp tổng thời gian để tính hưởng hỗ trợ có số ngày chưa đủ 01 tháng thì được tính tròn 01 tháng.

4. Tuổi nghỉ hưu theo quy định được xác định theo quy định tại Phụ lục I hoặc Phụ lục II Nghị định số 135/2020/CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuổi nghỉ hưu.

5. Thời gian nghỉ sớm để tính số tháng hưởng chế độ trợ cấp hưu trí một lần là thời gian kể từ thời điểm ghi trong quyết định nghỉ hưu đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I hoặc Phụ lục II Nghị định số 135/2020/CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác. Trong trường hợp nguồn kinh phí của đơn vị không đảm bảo thì ngân sách tỉnh hỗ trợ theo quy định.

2. Đối với các cơ quan hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể; đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

Điều 8. Điều khoản áp dụng

1. Các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết chế độ, chính sách thì vẫn được hưởng chế độ, chính sách theo Quy định này.

2. Trường hợp đối tượng hưởng chế độ, chính sách tại quy định này đồng thời thuộc đối tượng hưởng chế độ, chính sách cùng loại theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác của Trung ương thì thực hiện giải quyết chế độ theo văn bản quy định của Trung ương.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới./.